

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2025
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng; ông Nguyễn Lâm Tới.

Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:** ông Đặng Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 393/2024/TLST-
HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly
hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ B, ấp T, xã T,
thị xã T, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ C, khóm P,
phường A, thị xã T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: tổ B, ấp T, xã T, thị xã T,
tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn H, có
mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ
án, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H quen biết, tự
nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Vợ
chồng chung sống tại ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Đến năm 2021 thì
giữa bà và ông H xảy ra mâu thuẫn, bất hoà, nguyên nhân ông H hay chửi mắng
vợ con, nên đã sống ly thân từ đó đến nay. Thấy tình cảm không còn và cũng
không thể hàn gắn bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H có hai (02) con chung tên Lê Nguyễn Quốc D, sinh ngày 28/9/2011 và Lê Nguyễn Quốc L, sinh ngày 24/3/2018. Bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Lê Thị T và Nguyễn Văn H (bản photo); Giấy khai sinh cấp cho Lê Nguyễn Quốc D, Lê Nguyễn Quốc L (bản sao); Bản tự khai (bản chính).

** Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:* ông thống nhất với ý kiến của bà T về thời gian đi đến hôn nhân, ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ con; giữa vợ chồng có hai (02) con chung là Lê Nguyễn Quốc D, sinh ngày 28/9/2011 và Lê Nguyễn Quốc L, sinh ngày 24/3/2018, nếu ly hôn ông đồng ý giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông không phải cấp dưỡng; ông H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

** Ý kiến trình bày của cháu Lê Nguyễn Quốc D:* cháu xác định là con của mẹ Lê Thị T và cha Nguyễn Văn H. Nếu cha, mẹ ly hôn có nguyện vọng được sống với mẹ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 14, 51, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H; về con chung: giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn H; bị đơn có nơi cư trú tại tổ C, khóm P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS).

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lê Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn H sống chung như vợ chồng từ năm 2005 đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và*

tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*”

Căn cứ quy định pháp luật như viện dẫn nêu trên, thấy rằng nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 đến nay, không đăng ký kết hôn nên không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có hai (02) con chung tên Lê Nguyễn Quốc D, sinh ngày 28/9/2011 và Lê Nguyễn Quốc L, sinh ngày 24/3/2018. Hiện nay, các con đang sống cùng với bà T và cháu D có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó tiếp tục giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Lê Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

Do đó, theo ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng hai (02) con chung tên Lê Nguyễn Quốc D, sinh ngày 28/9/2011 và Lê Nguyễn Quốc L, sinh ngày 24/3/2018; ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn H quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017561 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/3/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tx. Tịnh Biên (1);
- Chi cục THADS tx. Tịnh Biên (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ